

MỤC LỤC KỈ YẾU NĂM 2013

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

1.	Bùi Thị Ngọc Anh - <i>Từ ngữ kiêng kỵ và các chiến lược sử dụng trong giao tiếp tiếng Việt</i>	9
2.	Lê Huy Bắc - <i>Ngôn ngữ và Ludwigwittgenstein</i>	14
3.	Chim Văn Bé - <i>Vấn đề tính liên kết của văn bản</i>	20
4.	Hoàng Thị châu - <i>Tìm hiểu từ nguyên những từ chỉ các phương tiện vận chuyển đường thủy</i>	29
5.	Trần Văn Chung - <i>Tìm hiểu một số phương thức biểu đạt trong “Tuyên ngôn độc lập” của Chủ tịch Hồ Chí Minh</i>	36
6.	Trần Trí Dõi - <i>Thảo luận về vấn đề mù chữ và tái mù chữ: tiêu chí nhận diện trong hoạt động giáo dục ở Việt Nam</i>	42
7.	Nguyễn Thị Thu Hà - <i>Một số vấn đề ngữ nghĩa của động từ “nghĩ” trong tiếng Việt</i>	47
8.	Vũ Thị Hải Hà - <i>Ảnh hưởng của thanh điệu và âm đầu /k/ đến formant của nguyên âm tiếng Việt</i>	55
9.	Trần Anh Hào - <i>Chức năng của ngôn ngữ dưới góc nhìn phong cách học</i>	67
10.	Đỗ Thị Hiên - <i>Thực trạng và giải pháp của việc dạy ngôn ngữ kí hiệu cho trẻ khiếm thính Việt Nam</i>	75
11.	Nguyễn Thị Huệ - <i>Tóm tắt văn bản khoa học và vấn đề lược thuật trên các tạp chí khoa học</i>	80
12.	Đỗ Thị Thu Hương - <i>Vài nhận xét về việc sử dụng từ ngữ trong giao tiếp thường ngày của giới trẻ hiện nay</i>	84
13.	Ngô Thị Thu Hương - <i>Chính tả của học sinh lớp 2 - thực trạng và giải pháp</i>	89
14.	Phạm Thị Thu Hương - <i>So sánh hiện tượng tỉnh lược hội thoại trong văn bản viết và lời nói tiếng Việt</i>	99
15.	Vũ Thị Hương - <i>Hư từ tiếng Việt trong bảng giải nghĩa “Thiên tông khóa hư ngữ lục”</i>	108
16.	Đào Thanh Lan - <i>Tác động của phương thức trật tự từ đến sự chuyển đổi ý nghĩa, chức năng của từ trong tiếng Việt</i>	115
17.	Trần Thị Phương Lý - <i>Lược sử về ngôn ngữ học tâm lí</i>	120
18.	Nguyễn Thị Thanh Ngân - <i>Dấu hiệu ngôn hành của các hành động cầu khiến tiếng Việt</i>	128
19.	Nguyễn Thị Nhung - <i>Nên gọi “Từ chỉ loại” là “Định từ” trong ngữ pháp tiếng Việt</i>	135
20.	Hồ Thị Kiều Oanh - <i>Nghiên cứu hiện tượng chuyển mã trong giao tiếp lời nói trên các trang mạng xã hội của sinh viên đại học Đà Nẵng</i>	141
21.	Nguyễn Thị Phương - <i>Nghĩa của kí hiệu trong ngôn ngữ kí hiệu Việt Nam</i>	148
22.	Nguyễn Thị Phương - <i>Một vài đặc điểm từ vựng của kí hiệu trong ngôn ngữ kí hiệu thành phố Hồ Chí Minh</i>	156

23.	Trần Kim Phượng - Từ “ <i>ấy</i> ” trong tiếng Việt nhìn từ lí thuyết ba bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học	165
24.	Nguyễn Trần Quý - Vấn đề hệ thống nguyên âm đôi trong tiếng Việt	171
25.	Trần Quang Thành, Nguyễn Thị Phương Thùy - Đặc trưng ngữ âm-từ vựng của tiếng địa phương xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội	183
26.	Lê Quang Thiêm - Về các cấp hệ phân tích nghĩa từ vựng (bao hàm tầng nghĩa trí tuệ - nghĩa của thuật ngữ)	192
27.	Nguyễn Thị Thu Thủy - Những vấn đề ngữ dụng qua thành ngữ, tục ngữ Việt Nam	202
28.	Nguyễn Mạnh Tiến - Sự chi phối của ý nghĩa đối với kết trị và sự hiện thực hóa kết trị của động từ	208
29.	Nguyễn Tình - Cách xác định thành phần của nhóm từ vựng-ngữ nghĩa	216
30.	Phạm Văn Tình - Tóm tắt văn bản và văn bản tóm tắt (thủ đề xuất cách tóm tắt khóa luận, luận văn, luận án)	219
31.	Trần Bình Tuyên - Đặc điểm ngôn ngữ bài phát biểu “Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội – nhìn từ thực tiễn Việt Nam” của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng dưới góc nhìn của lí thuyết phân tích diễn ngôn phê phán	221
32.	Lê Thị Thùy Vinh - Nghiên cứu quán ngữ tiếng Việt từ góc độ dụng học	228

BẢN NGỮ VÀ NGOẠI NGỮ

33.	Nguyễn Thị Phương Anh - Cách giải thích nghĩa của thành ngữ, tục ngữ cho người nước ngoài học tiếng Việt	241
34.	Nguyễn Thanh Bình - Nghiên cứu so sánh câu hỏi trong tiếng Anh và tiếng Việt về phương diện cấu trúc ngữ pháp và ngữ điệu	244
35.	Nguyễn Văn Chiến, Đặng Yên Thu - Tiếp cận phân tích hội thoại Việt – Anh (dụng học tương phản-giao văn hóa)	252
36.	Liêu Linh Chuyên - Khai thác khối liệu ngôn ngữ trong dạy và học tiếng Anh	258
37.	Đỗ Thị Xuân Dung, Trần Văn Phước - Một số đặc điểm diễn ngôn của khẩu hiệu tiếng Anh và tiếng Việt	265
38.	Đặng Diễm Đông - Thủ khảo sát trường từ vựng thể hiện tình yêu đôi lứa trong một số bức thư tình Pháp-Việt	273
39.	Nguyễn Hương Giang - Mạch lạc biểu hiện qua trình tự thời gian trong hợp đồng kinh tế tiếng Anh	280
40.	Nguyễn Thị Hồng Hoa - Sự khác biệt trong phong cách sử dụng ngôn ngữ theo giới tính ở tiếng Nhật có đối chiếu với tiếng Việt	286
41.	Nguyễn Chí Hòa, Nguyễn Ngọc Toàn - Nâng cao năng lực dự đoán từ tiếng Việt trong ngữ cảnh cho học viên quốc tế	294
42.	Hoàng Thị Hòa - Thủ áp dụng khung lí thuyết của Dik.S.C(1989) vào phân loại các động từ tri giác tiếng Anh	302
43.	Nguyễn Liên Hương - Ngữ nghĩa từ vựng của từ “đất” và “nước” trong tiếng Việt liên hệ đối chiếu với tiếng Anh	316

44.	Lê Thanh Hương - <i>Khảo sát các hiện tượng ngữ pháp trong giáo trình tiếng Việt (trình độ A) từ 1980 đến 2010.</i>	323
45.	Liêu Thị Thanh Nhân - <i>Một số phương thức cấu tạo của từ ngữ lóng tiếng Hán và tiếng Việt</i>	336
46.	Phạm Thị Hồng Nhung - <i>Văn học bản ngữ và ngôn ngữ văn học trong giảng dạy ngoại ngữ</i>	340
47.	Lê Đức Quang - <i>Các thời kì “Đất nước học”: điếm lại ba thập niên chuyển biến của một môn học đặc biệt trong tương quan với giảng dạy ngôn ngữ</i>	349
48.	Dương Thị Quỳnh - <i>Một số vấn đề chuẩn hóa thuật ngữ pháp luật ở Trung Quốc</i>	356
49.	Nguyễn Tư Sơn - <i>Xu thế biến đổi từ vựng trong ngôn ngữ hiện đại (khảo sát qua ngữ liệu Nga-Việt)</i>	364
50.	Vũ Yên sơn - <i>Đối chiếu hệ thống đại từ nhân xưng trong tiếng Nga và tiếng Việt dưới góc độ thành tố văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ</i>	368
51.	Hoàng Thị Khánh Tâm - <i>Ảnh hưởng của bối cảnh văn hóa Việt Nam và Hoa Kỳ đến việc tạo lập văn bản của sinh viên khoa tiếng Anh Trường ĐH ngoại ngữ Huế</i>	373
52.	Nguyễn Thị Ái Tiên - <i>So sánh đối chiếu cấu trúc khiếm động (s)aseru trong tiếng Nhật và tiếng Việt</i>	380
53.	Nguyễn Văn Tự - <i>Ngôn ngữ và lời nói trong dạy-học ngoại ngữ hiện đại</i>	388
54.	Trần Thị Kim Tuyên - <i>Tính tương đương trong chuyển dịch giữa hai ngôn ngữ và biểu hiện cụ thể trong chuyển dịch đơn vị từ ngữ xưng hô từ tác phẩm gốc “Gone with the wind” đến bản dịch tiếng Việt “Cuốn theo chiều gió”</i>	391
55.	Đình Hồng Vân - <i>Vai trò và vị trí của dịch trong các phương pháp dạy ngoại ngữ</i>	403
56.	Huỳnh Thị Bích Vân - <i>Vận dụng lí thuyết hoạt động lời nói giúp học sinh tăng cường sử dụng tiếng Anh trong lớp học</i>	406
57.	Nguyễn Thùy Vân - <i>Vai trò của văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ</i>	413
58.	Đặng Vinh - <i>Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng với việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp FDI tại thành phố Đà Nẵng</i>	419
59.	Lê Thị Thanh Xuân - <i>Ý nghĩa biểu trưng của các từ ngữ chỉ động vật trong tiếng Việt và một số ngôn ngữ khác</i>	426
60.	Hoàng Thị Yến - <i>Nhận diện hành động hỏi gián tiếp trong tiếng Hàn và tiếng Việt</i>	430

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

61.	Hà Trần Thùy Dương - <i>Một vài đặc điểm về bức tranh ngôn ngữ-dân tộc ở Thừa Thiên-Huế</i>	441
62.	Nguyễn Trung Kiên - <i>Tìm hiểu về từ “saz”(gan) và “Plour”(tim) trong tiếng Mông</i>	446
63.	Đoàn Văn Phúc - <i>Giáo dục song ngữ - giải pháp cơ bản để nâng cao vị thế, chức năng các ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam trong thời kì mới</i>	448
64.	Nguyễn Kim Thoa - <i>Thử đề xuất một phương án chữ viết cho dân tộc Sán Dìu ở Việt Nam.</i>	455
65.	Tạ Văn Thông - <i>Biên soạn từ điển đối dịch Việt-dân tộc thiểu số và dân tộc thiểu số - Việt</i>	466

- | | | |
|-----|--|-----|
| 66. | Phạm Đức Thuận – <i>Ngôn ngữ Khmer Nam Bộ trong tên gọi một số địa danh vùng đồng bằng sông Cửu Long-Một nét đặc sắc trong giao thoa văn hóa vùng</i> | 476 |
| 67. | Phan Thanh Bảo Trân – <i>Về vai trò dự báo thông tin của đơn vị cảm thán trong diễn ngôn dù kê Khmer</i> | 480 |
| 68. | Tạ Quang Tùng – <i>Đặc điểm từ âm vị học tiếng Khơ Mú (trên cơ sở phân tích bằng máy tính)</i> | 490 |

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

- | | | |
|-----|--|-----|
| 69. | Nguyễn Văn Ái - <i>Địa danh Quảng Trị</i> | 497 |
| 70. | Nguyễn Thanh Bình - <i>Một số vấn đề giao tiếp liên văn hóa</i> | 508 |
| 71. | Trương Thị Diễm, Thích Thông Huệ – <i>Cách đặt tên đạo-nét đặc trưng của văn hóa Phật giáo</i> | 517 |
| 72. | Võ Thị Dung – <i>Tìm hiểu văn hóa giao tiếp của người Anh và người Việt qua tục ngữ</i> | 521 |
| 73. | Nguyễn Minh Hoạt – <i>Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa trong Luật tục Êđê</i> | 528 |
| 74. | Huỳnh Ngọc Mai Kha – <i>Tìm hiểu tư duy người Việt về lúa trong thành ngữ dưới góc nhìn ẩn dụ tri nhận</i> | 538 |
| 75. | Lê Đức Luận – <i>Từ ngữ biểu thị các dạng thức về “RẮN” và đặc tính nước trong ngôn ngữ và văn hóa Việt</i> | 543 |
| 76. | Hà Quang Năng, Nguyễn Thị Thu Hương – <i>Nhận thức về tình yêu đôi lứa và quan hệ vợ chồng trong kho tàng ca dao Việt Nam</i> | 546 |
| 77. | Hồ Trần Ngọc Oanh – <i>Thành tố tên riêng trong cấu trúc phức thể địa danh huyện Ia Grai, Gia Lai</i> | 557 |
| 78. | Trần Nguyễn Khánh Phong - <i>Phương thức định danh của địa danh A Lưới</i> | 565 |
| 79. | Trần Văn Sáng - <i>Các phương diện văn hóa của địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ dân tộc thiểu số ở Tây Thừa Thiên Huế</i> | 570 |
| 80. | Hoàng Tất Thắng – <i>Một vài nhận xét về giá trị văn hóa lịch sử của địa danh làng xã ở Quảng Bình</i> | 582 |
| 81. | Lê Lâm Thi - <i>Ẩn dụ “Lúa” trong lĩnh vực kinh tế-xã hội (trên nguồn ngữ liệu báo điện tử tiếng Việt)</i> | 587 |
| 82. | Trần Thị Lam Thủy - <i>Từ lý thuyết tri nhận, thử góp phần giải mã tư duy văn hóa người Việt qua quan niệm về con số</i> | 592 |
| 83. | Huỳnh Công Tín – <i>Vài nét về thành tố “kẻ” trong địa danh Bắc Bộ, Trung Bộ</i> | 600 |

NGÔN NGỮ VỚI VĂN CHƯƠNG

- | | | |
|-----|--|-----|
| 84. | Trần Thùy An – <i>Mạch lạc biểu hiện ở trật tự hợp lý giữa các câu trong truyện ngắn “Đời thừa” của Nam Cao</i> | 605 |
|-----|--|-----|

85.	Phan Tuấn Anh – <i>Ngôn ngữ nhị phân-đặc điểm kiến tạo văn hóa nghệ thuật hậu hiện đại</i>	614
86.	Nguyễn Nhã Bản, Phan Xuân Đạm - <i>Địa danh trong thơ ca dân gian xứ Nghệ</i>	620
87.	Nguyễn Kim Châu – <i>Tiếp cận “Độc tiểu thanh ký”- Nguyễn Du từ góc độ ngôn từ</i>	626
88.	Trần Thị Ngọc Diễm, Nguyễn Văn Nở - <i>Biến thể ngữ âm trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư</i>	633
89.	Nguyễn Hồng Dũng – <i>Triết học ngôn ngữ trong nghiên cứu văn học hậu hiện đại</i>	645
90.	Hà Thùy Dương - <i>Một vài nhận xét về cách sử dụng từ láy trong thơ Trần Đăng Khoa</i>	652
91.	Nguyễn Thị Giang – <i>Hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong truyện ngắn “Phiên chợ Giát” của Nguyễn Minh Châu</i>	657
92.	Hồ Thế Hà – <i>Ngôn ngữ trong sáng tạo và tiếp nhận thi ca</i>	663
93.	Phan Thu Hà – <i>Xưng hô trong tiếng Việt (qua một số tác phẩm văn học hiện thực phê phán trước 1945)</i>	670
94.	Nguyễn Thị Bích Hạnh - <i>Những đối cực âm thanh trong ca từ Trịnh Công Sơn</i>	677
95.	Vũ Thị Hạnh - <i>“Chơi cùng ngôn từ” trong tiểu thuyết của Thuận</i>	688
96.	Nguyễn Thị Hằng – <i>Đặc điểm các cuộc thoại hằng trong truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư</i>	694
97.	Ngô Hữu Hoàng – <i>Ca từ Trịnh Công Sơn với ngôn ngữ học tri nhận</i>	703
98.	Phạm Thị Mai Hương - <i>Lập luận trong hội thoại của Thúy Kiều</i>	709
99.	Nguyễn Thị Hưởng - <i>“Tình dạ tử” của Lý Bạch - Ngọn nguồn nỗi nhớ cố hương</i>	716
100.	Lưu Quý Khương, Võ Lê Thanh Huyền – <i>Liên kết nội dung trong các bài tình ca tiếng Việt</i>	719
101.	Vũ Thị Lan – <i>Tìm hiểu việc chú thích điển cố trong văn bản văn học Trung đại Việt Nam ở trường THPT</i>	729
102.	Đỗ Thị Kim Liên – <i>Việc sử dụng sáng tạo thành ngữ, tục ngữ trong truyện ngắn và tiểu thuyết sau 1975</i>	739
103.	Triệu Thị Linh – <i>Cách biểu đạt lịch sử qua ngôn từ nghệ thuật của Nguyễn Huy Thiệp trong truyện ngắn “Mưa Nhã Nam”</i>	748
104.	Lê Xuân Mậu – <i>Khi viết văn TƯ DUY hay GIAO TIẾP?</i>	754
105.	Trần Văn Minh – <i>Vẻ đẹp ngôn từ trong tùy bút.</i>	757
106.	Vũ Thị Quỳnh Nga – <i>Chế Lan Viên với nghệ thuật chuyển di trường nghĩa Cảm xúc qua “Điều tàn” và “Ánh sáng và phù sa” của Chế Lan Viên.</i>	765
107.	Hoàng Kim Ngọc – <i>Kết hợp “lạ hóa”- một trong những yếu tố tạo giá trị hình tượng trong ngôn ngữ thơ ca</i>	770
108.	Triều Nguyên – <i>Tu từ nhân hóa và vật hóa được sử dụng trong ca dao</i>	776
109.	Phạm Ánh Quyên, Hà Quang Năng - <i>Đặc điểm các phương tiện biểu hiện nghĩa tình thái trong thơ nôm Nguyễn Khuyến</i>	781
110.	Nguyễn Thị Hồng Sanh, Trần Thị Vân - <i>Sử dụng từ láy xây dựng nhân vật Kiên và Phương trong “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh</i>	789
111.	Lê Văn Tấn – <i>HOÀNG HẠC LẬU TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LẶNG – Còn nổi niềm gì sau cuộc tiễn đưa?</i>	796

112.	Nguyễn Hoàng Thân - <i>Đặc điểm ngôn ngữ văn bản văn bia “Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật diệt tịch lạc”</i>	799
113.	Nguyễn Thị Thùy, Vương Huy - <i>Ấn dụ “trái tim” trong thơ Xuân Diệu</i>	804
114.	Nguyễn Thị Kim Tiến – <i>Ngôn ngữ nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu</i>	807
115.	Trương Xuân Tiểu - <i>Tìm hiểu nghệ thuật sử dụng từ ngữ của Lê quý Đôn trong bài thơ “Rắn đầu biếng học”</i>	811
116.	Bùi Minh Toán – <i>Mùi vị trong truyện Kiều</i>	815
117.	Đào Duy Tùng – <i>Biến thể ngữ âm từ ngữ Hán-Việt trong ca dao Nam Bộ</i>	821
118.	Mai Thị Xí, Nguyễn Thị Hồng Sanh - <i>Sự vi phạm các quy tắc hội thoại và bi kịch của con người trong truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp</i>	833
119.	Mai Thị Hảo Yên – <i>Lời độc thoại nội tâm của nhân vật trong tác phẩm văn học (Trên cứ liệu của các tác phẩm của Nam Cao)</i>	839
120.	Trần Thị Hoàng Yên - <i>Phân loại hành động chủi qua lời thoại nhân vật trong truyện ngắn Việt Nam</i>	845

HUẾ HỌC VÀ CÁC PHƯƠNG NGỮ VIỆT

121.	Lê Thị Lan Anh, Bùi Đăng Bình - <i>Hệ thống nguyên âm trong tiếng địa phương Thanh Hóa</i>	853
122.	Văn Tú Anh – <i>Một số đặc điểm của hệ thống thanh điệu tiếng Huế</i>	859
123.	Dương Thị Dung – <i>Từ địa phương trong tục ngữ và ca dao Thanh Hóa</i>	873
124.	Võ Trung Định – <i>Thử đi tìm nguồn gốc của một số phương ngữ Trung Bộ</i>	880
125.	Phạm Thị Thúy Hồng – <i>Một vài đặc điểm của tiếng địa phương Quảng Bình</i>	888
126.	Nguyễn Việt Hùng - <i>Sự đan xen ngôn ngữ bác học và ngôn ngữ bình dân trong ca dao xứ Huế</i>	896
127.	Trần Đức Hùng - <i>Lớp từ khẩu ngữ địa phương trong thơ ca dân gian Nam Bộ</i>	902
128.	Lê Thị Lâm – <i>Hệ thống ngữ âm của tiếng Vĩnh Thịnh (Vĩnh Lộc, Thanh Hóa)</i>	910
129.	Trương Thị Nhân – <i>Đặc điểm ngữ nghĩa của từ chỉ sản vật địa phương trong tiếng Huế</i>	916
130.	Nguyễn Thị Bạch Nhạn, Phan Lê Thùy An – <i>Sự tri nhận không gian của dân cư thành phố Huế qua cách sử dụng từ chỉ hướng vận động</i>	923
131.	Hoàng Quốc, Nguyễn Thị Tuyết Nhung – <i>Thực trạng hiểu và sử dụng từ Hán Việt của học sinh THPT ở An Giang</i>	930
132.	Nguyễn Tài Thái – <i>Xu hướng biến đổi của một số nguyên âm huyện Thạch Thất, Hà Nội</i>	939
133.	Nguyễn Quý Thành – <i>Ngữ khí từ trong phương ngữ Nam Trung Bộ</i>	947
134.	Bùi Khánh Thế - <i>Huế, ngôn ngữ và văn hóa chốn thần kinh</i>	953

-
- 135. Đạm Thị Thúy** – *Nghiên cứu sự biến đổi cách phát âm một số vần của những người gốc miền Nam sống ở Hà Nội* **960**
- 136. Trần Văn Tiếng** – *Về những từ ngữ địa phương Nam Bộ trong các tác phẩm văn xuôi từ cuối thế kỷ 19 đến nửa đầu thế kỷ 20* **969**
- 137. Hồ Văn Tuyên** – *Một số đặc điểm phương ngữ vùng đồng bằng sông Cửu Long* **977**